

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VIGLACERA Bá Hiến (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

CÔNG TY

- Công ty Cổ phần VIGLACERA Bá Hiến tiền thân là Nhà máy gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hoà trực thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng. Sau đó, Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14 tháng 8 năm 2003 và Quyết định số 1260/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được cấp giấy phép kinh doanh số 1903000039 ngày 24 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 9.000.000.000 đồng được chia thành 90.000 cổ phần.
- Trụ sở chính của Công ty:
Địa chỉ : Xã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.
Điện thoại : (211)856.031
Fax : (211)887.171
Mã số thuế : 2500222558
- Hoạt động chính của Công ty là:
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000039 ngày 24 tháng 09 năm 2003, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:
 - Sản xuất vật liệu xây dựng;
 - Khai thác, gia công chế biến nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất vật liệu xây dựng;
 - Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
 - Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
 - Xây dựng, kinh doanh các công trình dân dụng và công nghiệp;
 - Đại lý, mua bán xăng dầu;
 - Vận chuyển hàng hoá bằng xe tải;
 - Mua bán vật liệu xây dựng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 18 được đính kèm báo cáo này.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Luyện Công Minh
Ông Mai Anh Tám
Ông Kiều Quang Vịnh
Ông Đỗ Văn Quang
Bà Đỗ Thị Xuân Hoà

Chủ tịch
Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên

(Miễn nhiệm từ ngày 10 tháng 07 năm 2007)
(Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 07 năm 2007)

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Mai Anh Tám

Ông Kiều Quang Vịnh

Giám đốc

Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính (ACAGroup) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Mai Văn Tám

Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 03 năm 2008

Số. /ACA.KT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
 Công ty Cổ phần VIGLACERA Bá Hiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần VIGLACERA Bá Hiến (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Như đã trình bày tại Bản thuyết minh ghi chú số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo Tài chính, Báo cáo Tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 01 đến trang 02, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo Tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo Tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo Tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các ghi chú trên Báo cáo Tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo Tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Số liệu tại ngày 01/01/2007 phản ánh trên Bảng cân đối kế toán của Công ty là số liệu tại ngày 31/12/2006 được kiểm toán bởi Công ty Hợp doanh Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Việt Nam.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) do hạn chế về phạm vi kiểm toán đã được trình bày ở trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trần Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 283/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH (ACAGroup)

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International

Ngày 19 tháng 03 năm 2008

Hà Nội, CNXHCN Việt Nam.

Chu Quang Tùng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1022/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂNXã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		13.305.991.981	16.018.234.822
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.517.711.530	669.548.370
1. Tiền	111	5	1.517.711.530	669.548.370
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Phải thu ngắn hạn	130		5.407.202.094	6.209.080.992
1. Phải thu khách hàng	131		5.633.485.355	5.813.208.711
2. Trả trước cho người bán	132		285.684.326	164.183.550
5. Các khoản phải thu khác	135	6	1.680.566.119	1.137.541.437
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(2.192.533.706)	(905.852.706)
IV. Hàng tồn kho	140	7	6.302.393.731	8.691.335.221
1. Hàng tồn kho	141		6.602.393.731	8.691.335.221
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(300.000.000)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.684.626	448.270.239
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	78.684.626	448.270.239
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		16.201.058.107	17.738.961.135
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		16.171.058.107	17.697.348.361
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	13.530.025.604	14.700.197.687
- Nguyên giá	222		29.208.401.144	28.627.635.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.678.375.540)	(13.927.437.732)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	497.369.326	552.569.817
- Nguyên giá	225		592.039.090	592.039.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(94.669.764)	(39.469.273)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.098.821.287	2.313.050.905
- Nguyên giá	228		3.000.000.000	3.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(901.178.713)	(686.949.095)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	44.841.890	131.529.952
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Đầu tư dài hạn khác	260		30.000.000	41.612.774
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	11.612.774
4. Phải thu dài hạn khác	218	13	30.000.000	30.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		29.507.050.088	33.757.195.957

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂN

Xã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		17.449.884.170	22.481.295.916
I. Nợ ngắn hạn	310		16.660.205.208	21.030.718.454
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	12.168.541.519	15.170.968.884
2. Phải trả người bán	312		460.736.297	1.251.261.127
3. Người mua trả tiền trước	313		176.123.507	8.931.887
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	390.879.362	1.122.183.568
5. Phải trả người lao động	315		1.289.606.160	1.242.021.563
6. Chi phí phải trả	316	16	1.212.073.067	853.909.419
7. Phải trả nội bộ	317		255.120.562	107.572.361
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	707.124.734	1.273.869.645
II. Nợ dài hạn	330		789.678.962	1.450.577.462
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	584.909.512	1.403.909.512
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		204.769.450	46.667.950
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		12.057.165.918	11.275.900.041
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410		12.148.169.074	11.302.625.258
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	9.177.157.000	9.097.157.000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	19	(280.000.000)	(280.000.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	19	846.250.149	684.250.149
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	19	297.256.568	183.656.568
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	19	2.107.505.357	1.617.561.541
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(91.003.156)	(26.725.217)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(91.003.156)	(26.725.217)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		29.507.050.088	33.757.195.957

Mai Anh Tám

Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 03 năm 2008

Đỗ Thị Xuân Hoà

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂN

Xã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	39.610.574.793	33.572.160.144
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		39.610.574.793	33.572.160.144
4. Giá vốn hàng bán	11	21	29.670.354.159	25.935.642.293
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.940.220.634	7.636.517.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	8.289.010	106.700.823
7. Chi phí tài chính	22		1.658.806.835	1.911.000.926
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.658.806.835	1.911.000.926
8. Chi phí bán hàng	24		2.286.475.036	2.105.007.552
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.945.134.184	1.888.009.141
10. Lợi nhuận thuần (lỗ) từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.058.093.589	1.839.201.055
11. Thu nhập khác	31		429.308.852	60.654.109
12. Chi phí khác	32		36.814.817	12.715.010
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		392.494.035	47.939.099
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.450.587.624	1.887.140.154
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	343.082.267	264.199.622
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.107.505.357	1.622.940.532

Mai Anh Tám

Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 03 năm 2008

Đỗ Thị Xuân Hoà

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007
*(Theo phương pháp gián tiếp)***Mẫu B 03-DN**
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.450.587.624
2. Điều chỉnh cho các khoản :			
- Khấu hao TSCĐ	02		2.129.720.039
- Các khoản dự phòng	03		1.586.681.000
- Chi phí lãi vay	06		1.658.806.835
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.825.795.498
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(484.802.102)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(810.714.497)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(5.532.595.513)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.658.806.835)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.489.320.870
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.828.197.421
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.289.010
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.789.010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		17.773.494.286
4. Tiền chi trả gốc vay	34		(21.594.921.651)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(168.395.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.989.823.271)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		848.163.160
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		669.548.370
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60)	70	5	1.517.711.530

Đỗ Thị Xuân Hoà
Giám đốc
 Vĩnh Phúc, ngày 19 tháng 03 năm 2008

Đỗ Thị Xuân Hoà
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần VIGLACERA Bá Hiến tiền thân là Nhà máy gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hoà trực thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng. Sau đó, Công ty được chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14 tháng 8 năm 2003 và Quyết định số 1260/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty được cấp giấy phép kinh doanh số 1903000039 ngày 24 tháng 09 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 9.000.000.000 đồng được chia thành 90.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 530 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000039 ngày 24 tháng 09 năm 2003, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác, gia công chế biến nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Xây dựng, kinh doanh các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Đại lý, mua bán xăng dầu;
- Vận chuyển hàng hoá bằng xe tải;
- Mua bán vật liệu xây dựng.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo Tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo Tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ THỰC HIỆN CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VIỆT NAM**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành về việc Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3.3 Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất kho theo phương pháp đích danh.

4.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Năm

Nhà cửa vật kiến trúc	07 - 81
Máy móc thiết bị	05 - 22
Phương tiện vận tải	10 - 13
Thiết bị dụng cụ quản lý	06

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị mua nhãn hiệu “Hình ngọn lửa” và “VIGLACERA” theo hợp đồng LI- XĂNG nhãn hiệu hàng hoá số 004CP/VGC-HĐLX ngày 25/12/2003 giữa Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (VIGLACERA) và Công ty Cổ phần Bá Hiến Viglacera với tổng giá trị 3.000.000.000 đồng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 14 năm.

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô Ford Focus. Tài sản này được thuê của Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với thời gian trích khấu hao là 15 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.5 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng..

4.6 Các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn phát sinh phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng vào kết quả sản xuất kinh doanh bao gồm: Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần với giá trị lớn.

4.7 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.8 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.10 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.11 Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các Quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những Quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂNXã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4.11 Thuế (tiếp theo)**

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm 2004, và được miễn thuế 50% cho ba năm kế tiếp. Năm 2006 Công ty được miễn 50% Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Tiền mặt	235.298.391	434.970.419
Tiền gửi ngân hàng	1.282.413.139	234.577.951
Cộng	1.517.711.530	669.548.370

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Công trình Hà Nam	544.000.000	-
Công ty CP Thiết bị máy công trình	765.575.000	765.575.000
Công ty Đầu tư xây dựng số 1 - XN Gạch Sơn Bình	234.765.346	234.765.346
Các khoản phải thu khác	136.225.773	137.201.091
Cộng	1.680.566.119	1.137.541.437

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂNXã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	4.183.810.517	3.730.081.010
Công cụ, dụng cụ trong kho	78.818.049	34.034.659
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.747.704.409	1.486.128.607
Thành phẩm tồn kho	462.074.781	2.426.824.764
Hàng hoá tồn kho	79.360.177	1.014.266.181
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(300.000.000)	-
Cộng	6.251.767.933	8.691.335.221

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Tạm ứng	78.684.626	448.270.239
Cộng	78.684.626	448.270.239

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư 01/01/2007	12.780.826.705	14.580.561.340	697.305.055	568.942.319	28.627.635.419
Tăng trong năm	100.197.443	367.708.257	52.790.910	-	717.380.725
Mua trong năm		564.392.372	52.790.910		617.183.282
Đầu tư XDCB hoàn thành	100.197.443				100.197.443
Giảm trong năm	-	-	136.615.000	-	136.615.000
Thanh lý, nhượng bán			136.615.000		136.615.000
Số dư 31/12/2007	12.881.024.148	14.948.269.597	613.480.965	568.942.319	29.208.401.144
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư 01/01/2007	4.167.930.286	9.365.157.661	357.087.148	37.262.637	13.927.437.732
Tăng trong năm	807.956.348	1.003.976.566	18.357.016	30.000.000	1.860.289.930
Khấu hao trong năm	807.956.348	1.003.976.566	18.357.016	30.000.000	1.860.289.930
Giảm trong năm	-	-	109.352.122	-	109.352.122
Thanh lý, nhượng bán			109.352.122		109.352.122
Số dư 31/12/2007	4.975.886.634	10.369.134.227	266.092.042	67.262.637	15.678.375.540
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2007	8.612.896.419	5.215.403.679	340.217.907	531.679.682	14.700.197.687
Tại ngày 31/12/2007	7.905.137.514	4.579.135.370	347.388.923	501.679.682	13.530.025.604

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂNXã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô Ford Focus. Tài sản này được thuê của Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với thời gian trích khấu hao là 15 năm.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị mua nhãn hiệu “Hình ngọn lửa” và “VIGLACERA” theo hợp đồng LI-XĂNG nhãn hiệu hàng hoá số 004CP/VGC-HĐLX ngày 25/12/2003 giữa Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng (VIGLACERA) và Công ty Cổ phần Bá Hiến Viglacera với tổng giá trị 3.000.000.000 đồng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 14 năm.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Nhà bao che máy nhật	44.841.890	-
Các công trình khác	-	131.529.952
Cộng	44.841.890	131.529.952

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000	30.000.000
Cộng	30.000.000	30.000.000

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Vay và nợ ngắn hạn	11.360.222.782	13.044.949.371
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Phúc Yên	7.369.426.482	9.840.496.521
- Ngân hàng Công Thương Phúc Yên	3.990.796.300	3.204.452.850
Nợ dài hạn đến hạn trả	808.318.737	2.126.019.513
- Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân Hàng	808.318.737	2.126.019.513
Cộng	12.168.541.519	15.170.968.884

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂNXã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	47.797.095	1.122.183.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp	343.082.267	-
Cộng	390.879.362	1.122.183.568

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Chi phí SCL TSCĐ	326.635.290	-
Chi phí phải trả khác	885.437.777	853.808.419
- Chi phí phải trả cho TT	232.323.526	281.435.454
- Chi phí phải trả - Phụ phí Tổng công ty(0.35%DT)	382.016.665	-
- Trích trước tiền thuê đất	271.097.586	275.247.083
- Chi phí phải trả khác	-	297.226.882
Cộng	1.212.073.067	853.909.419

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Kinh phí công đoàn	329.368.806	56.819.453
Bảo hiểm xã hội, y tế	78.408.025	421.886.502
Công ty TNHH Thái Việt Long	100.000.000	100.000.000
Công trình Hà Nam	-	519.141.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	199.347.903	176.021.940
Cộng	707.124.734	1.273.869.645

18. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2007 (VND)	01/01/2007 (VND)
Vay dài hạn	425.517.152	1.244.517.152
- Vay ngân hàng ĐT & PT Phúc Yên	425.517.152	1.244.517.152
Nợ dài hạn	159.392.360	159.392.360
- Thuê tài chính Công ty Thuê VCB	159.392.360	159.392.360
Cộng	584.909.512	1.403.909.512

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂNXã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Cổ phiếu ngân quỹ (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ dự phòng tài chính (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Cộng (VND)
Số dư tại đầu năm	9.097.157.000	(280.000.000)	684.250.149	183.656.568	1.617.361.541	11.302.425.258
Tăng trong năm	80.000.000	-	162.000.000	113.600.000	2.108.143.816	2.463.743.816
Tăng vốn	80.000.000	-	-	-	-	80.000.000
Lãi	-	-	-	-	2.107.505.357	2.107.505.357
Tăng khác	-	-	162.000.000	113.600.000	638.459	276.238.459
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.618.000.000	1.618.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	1.618.000.000	1.618.000.000
Số dư tại cuối năm	9.177.157.000	(280.000.000)	846.250.149	297.256.568	2.107.505.357	12.148.169.074

• **Vốn chủ sở hữu**

Vốn điều lệ của Công ty là 9.000.000.000 đồng chia làm 90.000 cổ phiếu. Trong đó tỷ lệ cổ phần của Nhà nước là 51% bằng 4.590.000.000 đồng, của người các cổ đông là 49% là 4.410.000.000 đồng. Ngày 20/04/2007, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2006 như sau:

	Tỷ lệ trích trên tổng lãi	Đơn vị tính: đồng Số tiền
Quỹ dự phòng tài chính	7,0%	113.600.000
Quỹ Phúc lợi	10,3%	176.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	10,0%	162.000.000
Bổ sung vốn điều lệ	5,0%	80.000.000
Lợi tức cổ đông	64,7%	1.046.400.000
Thù lao BQL điều hành	3,0%	40.000.000

• **Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2007 (VND)
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	1.617.361.541
Tổng lợi nhuận trước thuế phát sinh trong kỳ	2.450.587.624
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trích	343.082.267
Lợi nhuận sau thuế năm nay	2.107.505.357
Tăng khác	638.459
Phân phối thu nhập	1.618.000.000
- Quỹ dự phòng tài chính	113.600.000
- Quỹ Phúc lợi	176.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	162.000.000
- Bổ sung vốn điều lệ	80.000.000
- Lợi tức cổ đông	1.046.400.000
- Thù lao BQL điều hành	40.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	2.107.505.357

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

• **Cổ phiếu**

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	900.000	900.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	900.000	900.000
- Cổ phiếu thường	900.000	900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	872.000	872.000
- Cổ phiếu thường	872.000	872.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Doanh thu bán hàng	1.012.515.952	-
Doanh thu thành phẩm	38.598.058.841	33.572.160.144
Cộng	39.610.574.793	33.572.160.144

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	961.890.154	-
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	28.708.464.005	25.935.642.293
Cộng	29.670.354.159	25.935.642.293

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.289.010	106.700.823
Cộng	8.289.010	106.700.823

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỂNXã Bá Hiến, Huyện Bình Xuyên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2007 (VND)
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	2.450.587.624
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Thu nhập chịu thuế	2.450.587.624
Thuế suất	28%
Miễn giảm 50%	50%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	343.082.267
Điều chỉnh khác theo quyết toán thuế	-
Thuế thu nhập hoãn lại	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	343.082.267

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.033.995.217	4.509.095.870
Chi phí nhân công	4.039.166.823	3.771.357.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.057.271.057	1.177.646.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.111.832.247	1.492.960.139
Chi phí khác bằng tiền	372.744.472	410.140.517
Cộng	10.615.009.816	11.361.200.370

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm 2006 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp doanh Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Việt Nam.

* *

*